

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/3/2025)			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh			Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
A	TỔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN (I+II+III)						812.794	281.677	531.117	45.766	107.771	97.771	10.000	116.930	106.930	10.000	9.159	0	9.159			
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						0	0	0	500	800	300	500	800	300	500	0	0	0			
II	THỰC HIỆN DỰ ÁN						812.794	281.677	531.117	45.266	105.971	97.471	8.500	115.130	106.630	8.500	9.159	0	9.159			
1	Dự án chuyển tiếp						618.693	175.072	443.621	41.766	33.829	26.025	7.804	33.829	26.025	7.804	0	0	0			
2	Dự án khởi công mới						194.101	106.605	87.496	3.500	72.142	71.446	696	81.301	80.605	696	9.159	0	9.159			
III	BỔ TRÍ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC										1.000	0	1.000	1.000	0	1.000	0	0	0			
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất (dành 10% kinh phí do đặc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)										1.000	0	1.000	1.000	0	1.000	0	0	0			
B	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN						812.794	281.677	531.117	45.766	107.771	97.771	10.000	116.930	106.930	10.000	9.159	0	9.159			
B.1	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG						670.856	248.322	422.534	27.419	97.771	97.771		106.930	106.930	0	9.159	0	9.159			
	CHI TIẾT DỰ ÁN THEO TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC						670.856	248.322	422.534	27.419	97.771	97.771		106.930	106.930	0	9.159	0	9.159			
I	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP						451.294	111.317	339.977	19.344	20.672	20.672		20.672	20.672	0	0	0	0			
I.1	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ										500	300	300		300	300	0	0	0	0		
1	Trường THCS Tân Phú	TP				2024-2026					500	200	200		200	200		0		0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường THCS Hòa Bình Thanh điểm phụ (Hòa Hưng)	HBT				2024-2026					0	100	100		100	100		0		0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
I.2	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ						451.294	111.317	339.977	18.844	20.372	20.372		20.372	20.372	0	0	0	0			
*	Dự án chuyển tiếp						334.626	82.145	252.481	15.344	16.772	16.772		16.772	16.772	0	0	0	0			
1	Trường MG Tân Phú điểm chính (Tân Lợi)	TP		8071399		2023-2026	63/QĐ-UBND 05/01/2024; 772/QĐ-UBND 13/5/2024	25.382	7.325	18.057	1.373	627	627		627	627					0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
2	Trường TH A Tân Phú điểm chính (Tân Thành)	TP		8034285		2023-2025	911/QĐ-UBND 22/6/2023; 854/QĐ-UBND 24/5/2024	26.860	6.582	20.278	1.400	1.000	1.000		1.000	1.000					0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
3	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	VL		8042959		2023-2026	1325/QĐ-UBND 17/8/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024	41.122	11.180	29.942	2.450	2.050	2.050		2.050	2.050					0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/3/2025)			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)		Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh			Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)			tăng (+)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
4	Trường TH A Vinh An điểm chính (Vĩnh Quới)	VA		8037332		2023-2026	1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 771/QĐ-UBND 13/5/2024	37.735	9.476	28.259	2.610	1.281	1.281		1.281	1.281						Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
5	Trường MG Bình Thạnh	BT		8027343		2022-2025	651/QĐ-SXD 15/5/2023; 954/QĐ-UBND 11/6/2024	34.464	7.566	26.898	2.022	1.049	1.049		1.049	1.049						Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
6	Trường TH B Bình Thạnh điểm chính (Thành Hòa)	BT		8026319		2022-2025	617/QĐ-UBND ngày 09/5/2023; 1508/QĐ-UBND ngày 18/9/2023; 4374/VPUBND-KTN ngày 23/08/2024	32.858	7.410	25.448	1.499	1.100	1.100		1.100	1.100						Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
7	Trường THCS Vĩnh Lợi	VL		8027342		2024-2026	474/QĐ-UBND 13/4/2023	25.101	5.640	19.461	839	561	561		561	561						Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
9	Trường TH B Bình Hoà điểm chính (ấp Bình Phú 1)	BH		8115920		2023-2025	429/QĐ-UBND 24/11/2023	3.006	3.006			1.139	1.139		1.139	1.139		0		0		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
10	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Châu Thành	Các xã		8036439		2021-2025	1078/QĐ-UBND 07/7/2023	85.584	17.856	67.728	2.019	4.165	4.165		4.165	4.165						Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
11	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn huyện Châu Thành giai đoạn 2021-2025	CT		8034288		2023-2026	145/QĐ-UBND 13/02/2023	17.934	5.153	12.781	700	3.800	3.800		3.800	3.800						Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
*	Dự án khởi công mới							116.668	29.172	87.496	3.500	3.600	3.600		3.600	3.600		0	0	0	0		
1	Trường THCS Vĩnh An	VA		8028963		2024-2026	715/QĐ-UBND 24/5/2023	30.051	6.716	23.335	500	1.100	1.100		1.100	1.100						Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường THCS Vĩnh Hạnh	VH		7977068		2024-2026	2309/QĐ-UBND 15/9/2022	44.256	12.051	32.205	1.500	2.000	2.000		2.000	2.000						Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
3	Trường THCS Bình Thạnh	BT		8006139		2024-2026	3128/QĐ-UBND 26/12/2022	42.361	10.405	31.956	1.500	500	500		500	500						Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
II	HOẠT ĐỘNG KINH TẾ							215.111	132.554	82.557	8.075	72.648	72.648		81.807	81.807		0	9.159	0	9.159		
II.1	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN (DANH MỤC ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG)							1.719	1.719			1.719	1.719		1.719	1.719		0		0			
	Dự án khởi công mới							1.719	1.719			1.719	1.719		1.719	1.719		0		0			



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã giải ngân từ khối công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/3/2025)			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh			Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	Gia cố sạt lở kênh Rạch Giá - Long Xuyên (đoạn chùa KhoMe Vĩnh Thành)	VT				2025	48A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.719	1.719			1.719	1.719		1.719	1.719	0		0	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành		
II.2 GIAO THÔNG								213.392	130.835	82.557	8.075	70.929	70.929		80.088	80.088	0	9.159	0	9.159		
THỰC HIỆN ĐẦU TƯ								213.392	130.835	82.557	8.075	70.929	70.929		80.088	80.088	0	9.159	0	9.159		
Dự án chuyển tiếp								142.129	59.572	82.557	8.075	9.253	9.253	0	9.253	9.253	0	0	0	0		
1	Tuyến ĐH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Tri Tôn)	CT		7950343		2022-2025	2720/QĐ-UBND 17/11/2021; 4311/VPUBND-KTN ngày 20/08/2024	74.869	29.521	45.348	529	7.253	7.253		7.253	7.253	0			0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Tuyến ĐH.03 (cầu Trà Can-Bình Chánh)	CT		8026698		CBĐT 2021-2022; THĐT 2023-2025	300/QĐ-UBND 15/3/2023; CV 7162/VPUBND-KTN 31/12/2024	21.986	9.125	12.861	2.925	2.000	2.000		2.000	2.000	0			0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
Dự án khởi công mới								71.263	71.263			61.676	61.676		70.835	70.835		9.159		9.159		
1	Sửa chữa tuyến đường giao thông nông thôn (Tuyến Kênh Thanh niên)	VB				2025	42A/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	7.171	7.171			7.171	7.171		7.171	7.171	0			0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
2	Duy tu, sửa chữa tuyến đường từ Dinh Sơn Trung đến giáp Châu Phú	VA				2025	44A/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	2.724	2.724			2.724	2.724		2.724	2.724	0			0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Mường nhà Thí (đường chính qua xã Bình Thạnh)	BH				2025	45A/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	2.994	2.994			2.994	2.994		2.994	2.994	0			0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mường Lộ - Chín Quân	AH				2025	47A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	2.837	2.837			2.837	2.837		2.837	2.837	0			0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
5	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường ĐH.06 xã Vĩnh Thành (đoạn từ cầu Tân Thành 2 đến cầu Ba Dầu)	VT				2025	46A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.578	1.578			1.578	1.578		1.578	1.578	0			0	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện ĐH.08, xây dựng cầu Đúc kênh Cũ và cầu sắt Ranh làng (Vĩnh Nhuận - Vĩnh Hạnh)	VN-VH				2025-2026	55A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	28.384	28.384			28.384	28.384		28.384	28.384	0			0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
7	Xây dựng mới cầu Vĩnh Nhuận - Tân Phú (thuộc tuyến đường ĐH.06)	VN				2025-2026	56A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	20.581	20.581			10.994	10.994		20.153	20.153	9.159			9.159	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
8	Xây dựng các ô trồng, phân, cây đờ và một số giống cây	CT				2025	57A/QĐ-UBND ngày 26/02/2025	4.994	4.994			4.994	4.994		4.994	4.994	0			0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
III HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI								4.451	4.451			4.451	4.451		4.451	4.451	0	0	0	0		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/3/2025)			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh			Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							4.451	4.451			4.451	4.451		4.451	4.451	0	0	0	0		
	Dự án khởi công mới							4.451	4.451			4.451	4.451		4.451	4.451	0	0	0	0		
1	Nâng cấp, sửa chữa công viên trước UBND xã Vĩnh Lợi	VL				2025	43A/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	999	999			999	999		999	999		0		0		Phòng Kinh tế - Hạ tầng
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà xe, các phòng làm việc của Đảng ủy xã	VT				2025	49A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.131	1.131			1.131	1.131		1.131	1.131		0		0		Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành
3	Nâng cấp, sửa chữa bộ phận một cửa, trụ sở UBND xã Vĩnh Lợi	VL				2025	51A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.188	1.188			1.188	1.188		1.188	1.188		0		0		Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi
4	Nâng cấp, sửa chữa bộ phận một cửa, trụ sở UBND xã Hoà Bình Thành	HBT				2025	50A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.133	1.133			1.133	1.133		1.133	1.133		0		0		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
B.2	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT							141.938	33.355	108.583	18.347	10.000		10.000	10.000	0	10.000	0	0	0		
	I. CHI TIẾT DỰ ÁN THEO TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC							141.938	33.355	108.583	18.347	9.000		9.000	9.000	0	9.000	0	0	0		
1	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP							141.938	33.355	108.583	2.051	5.286		5.286	5.286	0	5.286	0	0	0		
I.1	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ										0	500		500	500	0	500	0	0	0		
1	Trường THCS An Châu	AC				2023-2026						300		300	300		300					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
2	Trường TH A An Châu	AC				2024-2027						200		200	200		200					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
I.2	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							141.938	33.355	108.583	2.051	4.786		4.786	4.786	0	4.786	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp							141.938	33.355	108.583	2.051	4.090		4.090	4.090	0	4.090	0	0	0		
1	Trường TH A Tân Phú điểm chính (Tân Thành)	TP		8034285		2023-2025	911/QĐ-UBND 22/6/2023; 854/QĐ-UBND 24/5/2024				0	683		683	683		683					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
2	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	VL		8042959		2023-2026	1325/QĐ-UBND 17/8/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024				0	1.123		1.123	1.123		1.123					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
3	Trường THCS Hòa Bình Thành điểm chính (Hòa Thành)	HBT		7988714		2023-2026	2697/QĐ-UBND 08/11/2022	53.348	12.493	40.855	1.921	700		700	700		700					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
4	Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quới)	VA		8037332		2023-2026	1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 771/QĐ-UBND 13/5/2024				0	504		504	504		504					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/3/2025)				Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025				Chênh lệch tăng (+), giảm (-)		Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh			Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)						
																			Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
5	Trường THCS Vĩnh Lợi	VL		8027342		2024-2026	474/QĐ-UBND 13/4/2023				0	1.080		1.080	1.080		1.080					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
*	Dự án khởi công mới										0	696		696	696	0	696	0	0	0			
1	Trường THCS Vĩnh An	VA		8028963		2024-2026	715/QĐ-UBND 24/5/2023				0	696		696	696		696					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
II	GIAO THÔNG										16.296	3.714		3.714	3.714	0	3.714	0	0	0			
	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ										16.296	3.714		3.714	3.714	0	3.714	0	0	0			
*	Dự án chuyển tiếp										16.296	3.714	0	3.714	3.714	0	3.714	0	0	0			
1	Tuyến ĐH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Tri Tôn)	CT		7950343		2022-2025	2720/QĐ-UBND 17/11/2021; 43111/VPUBND-KTN ngày 20/08/2024				8.605	3.714		3.714	3.714		3.714	0				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
	II. BỐ TRÍ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC											1.000		1.000	1.000	0	1.000	0	0	0			
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất (đánh 10% kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)											1.000		1.000	1.000		1.000						